TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 25/2022/HS-ST
Ngày 30/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy.
Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Hồng Thanh; Ông Nguyễn Lâm Giang.
-Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án huyện T.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 30/3/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2022/TLST- HS ngày 04/3/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST- HS ngày 14/3/2022, đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: Đoàn Bá T, S năm 1992 (Tên gọi khác: Không); nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Bá T và bà Trần Thị Y; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Chưa; tiền án: Bản án số 34/2016/HSST ngày 09/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh B xử phạt Đoàn Bá T 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2015. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2018, thi hành xong án phí ngày 24/10/2016. Bản án số 13/2019/HSST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh B xử phạt Đoàn Bá T 16 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2018. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/02/2020, thi hành xong án phí ngày 04/9/2019.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 17/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

2.Họ và tên: Nguyễn Văn S, S năm 1979 (Tên gọi khác: Không); Nơi ĐKHKTT: Thôn G, xã S, huyện T, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Thôn Đồng Bông, xã Ngọc Vân, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và con bà Bùi Thị L; vợ: Ninh Thị N, S năm 1981; con: có 02 con, con lớn S năm 2003, con nhỏ S năm 2004; tiền sự: Chưa; tiền án: Bản án số 123/2019/HSST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn S 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2019. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/9/2021, thi hành

xong án phí ngày 19/11/2019. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 17/12/2021, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T, (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị L, S năm 1957; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh B, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1.Anh Dương Văn T, S năm 1970; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh B, (vắng mặt).

2.Anh Nguyễn Quang H, S năm 1976; nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện T, tỉnh B, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 16/12/2021, Đoàn Bá T, S năm 1992; trú tại thôn T, xã S, huyện T, tỉnh B sang nhà ông Dương Văn T, S năm 1970; trú tại thôn Tè, xã S, huyện T, tỉnh B chơi. Khi đi đến nhà ông T thì T có gặp Nguyễn Văn S, S năm 1979; nơi ĐKHKTT: Thôn G, xã S, huyện T, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Thôn Đồng Bông, xã Ngọc Vân, huyện T, tỉnh B, rồi cùng nhau ăn cơm trưa tại nhà ông T. Sau khi ăn cơm xong, S rủ T sang xã Ngọc Vân, huyện T chơi, T đồng ý. S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ, không có biển kiểm soát của S chở T đi từ nhà ông T theo đường bê tông ra đường Quốc lộ hướng đi xã Ngọc Vân, huyện T. Khi ra đến khu vực Công ty gạch Tuynlen thuộc thôn C, xã N, huyện T, S rẽ trái vào đường liên thôn với mục đích xem nhà ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Khi đi được khoảng 01 km thì S và T nhìn thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển kiểm soát 98H1-105.75 của bà Nguyễn Thị L, S năm 1957; trú tại: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh B dựng ở cổng Công ty gạch Tuynlen. Quan sát thấy không có người để ý, S điều khiển xe mô tô dến cách vị trí chiếc xe mô tô của bà La khoảng 10 m thì dừng xe lại đứng Cnh giới để T xuống lấy trộm xe mô tô. T xuống xe đi bộ lại gần mở cổng đi vào thấy chiếc xe mô tô của bà La khóa cổ, T thò tay vào trong yếm cổ để kéo dây điện nhưng không được nên T dùng thanh dũa móng tay của chiếc bấm móng tay để ở túi ngực ra và cắm vào ổ khóa vặn thì mở được khóa điện. Sau đó, T ngồi lên xe mô tô nổ máy và điều khiển xe mô tô đi theo hướng về thôn Tè, xã S, huyện T; còn S điều khiển xe đi theo đường về nhà ông T. Khi về đến nhà ông T, T cùng S tháo biển kiểm soát của chiếc xe trộm cắp được và tháo 02 chiếc gương chiếu hậu của xe mô tô vứt ra vườn bưởi của nhà ông T. T kiểm tra cốp xe thấy có cuốn sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Văn Tiệp nên T vứt ra vườn. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày 16/12/2021, T gọi điện thoại cho ông Nguyễn Quang Hoan, S năm 1976, trú tại thôn M, xã L, huyện T, tỉnh B nhờ ông Hoan bán hộ T chiếc xe, ông Hoan đồng ý. T hẹn gặp ông Hoan ở dốc Đình Tế thuộc xã L, huyện T, sau đó T điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp đi đến dốc Đình Tế gặp ông Hoan, sau đó ông Hoan điều khiển xe ô tô đi trước, còn T điều khiển xe mô tô theo xe ô tô của ông Hoan sang địa phận huyện Hiệp Hòa, tỉnh B, đến ngã ba Trại Cờ thuộc phố Thắng, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh B rẽ phải đi được khoảng 05 km thì thấy 02 thanh niên T không quen biết ra gặp ông Hoan và đi ra xem xe mô tô

của T, S trộm cắp được. Sau đó người thanh niên đưa tiền cho ông Hoan, rồi T giao xe mô tô cho người thanh niên mua xe, người thanh niên điều khiển xe mô tô đi, ông Hoan đưa lại cho T số tiền 2.500.000 đồng. T lên xe ô tô của ông Hoan đi về đến đầu thôn Tè, xã S, huyện T thì xuống đi bộ về nhà ông T. Khi về đến nhà ông T T chia cho S số tiền 1.100.000 đồng, T cầm 1.400.000 đồng. T và S đã ăn tiêu cá nhân hết số tiền này. Sau khi phát hiện mất xe mô tô, ngày 17/12/2021, bà Nguyễn Thị L có đơn trình báo Công an huyện T. Nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên vào hồi giờ 18 giờ 00 phút ngày 17/12/2021, Nguyễn Văn S đến Công an huyện T đầu thú về hành vi "Trộm cắp tài sản" của bản thân vào ngày 16/12/2021 cùng với Đoàn Bá T và S tự nguyện giao nộp các tài sản gồm: 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Honda WaveS màu đỏ đen, không gắn biển kiểm soát, xe có số khung RLHJ04312BY164771, số máy JC43E-1713953, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số seri 354579051052244, gắn sim số 0333.043.701, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

Ngày 17/12/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện T ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đoàn Bá T và thu giữ của T: 01 chiếc điện thoại Vsmart, vỏ màu đỏ, có số Imet: 356742102734081/356742102734099, màn hình đã bị vỡ, lắp sim số 0564.657.373, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; cùng ngày Cơ quan điều tra Công an huyện T đã thu giữ tại vườn nhà ông Dương Văn T 01 biển kiểm soát 98H1-105.75 nền trắng, chữ số màu đen, biển kiểm soát cũ, bị cong vênh; 02 chiếc gương xe mô tô màu đen đã qua sử dụng; 01 quyển sổ hộ khẩu chủ hộ tên Nguyễn Văn Tiệp. Ngày 18/12/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đoàn Bá T và Nguyễn Văn S nhưng không thu giữ đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngày 18/12/2021 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá chiếc xe mô tô mà S và T đã trộm cắp của bà La. Tại kết luận định giá tài sản số 87/KL-ĐGTS ngày 21/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, biển kiểm soát 98H -105.75, xe đã qua sử dụng có giá 8.000.000 đồng; 02 gương chiếu hậu của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave đã qua sử dụng có giá 40.000 đồng; 01 biển kiểm soát 98H-105.75 đã qua sử dụng có giá 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 8.090.000 đồng (Tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, T và S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 01/03/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Đoàn Bá T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Các bị cáo Đoàn Bá T và Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Người bị hại bà

Nguyễn Thị L yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà 8.000.000 đồng (theo định giá tài sản), cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 4.000.000 đồng. Các bị cáo đều nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bà La.

Đại diện Viện kiểm sát trình bầy quan điểm luận tội: Giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với cáo bị cáo và đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điêu 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Đoàn Bá T.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 288, Điều 589 Bộ luật Dân sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí Tòa án.

1.Xử phạt bị cáo Đoàn Bá T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" thời gian tù tính từ ngày tạm giữ 17/12/2021.

2.Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" thời gian tù tính từ ngày tạm giữ 17/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

3.Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 8.000.000, cụ thể: Bị cáo T bồi thường 4.000.000 đồng, bị cáo S bồi thường 4.000.000 đồng.

4.Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại Vsmart, vỏ màu đỏ, có số Imet: 356742102734081/356742102734099, màn hình bị vỡ, lắp sim số 0564.657.373 là của bị cáo T sử dụng liên lạc tiêu thụ tài sản trộm cắp được nên tịch thu xung quỹ nhà nước. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số seri 354579051052244, điện thoại gắn sim số 0333.043.701 là tài sản của bị cáo S không sử dụng vào việc phạm tội, nhưng tại phiên tòa bị cáo S đề nghị xung quỹ nhà nước, nên cần sung quỹ nhà nước.

5.Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định pháp luật về án phí.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về quan điểm của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo S xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát,

Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng nêu trên. Do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]Tại phiên tòa hôm nay: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến vệc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3]Về tội danh, hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hai; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người chứng kiến và phù hợp về thời gian, địa điểm, diễn biến của quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 16/12/2021, tại cổng nhà máy gạch Tuynlen thuộc thôn C, xã N, huyện T, tỉnh B; Đoàn Bá T và Nguyễn Văn S đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, biển kiểm soát 98H1-105.75 trị giá 8.090.000 đồng của bà Nguyễn Thị L. Tại thời điểm thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đoàn Bá T đã có 02 tiền án về tội "chiếm đoạt tài sản" chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội "Trộm cáp tài sản", tài sản chiếm đoạt có trị giá 8.090.000 đồng nên thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm". Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố Đoàn Bá T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn S cùng bị cáo T "Trộm cắp tài sản" tài sản chiếm đoạt có trị giá 8.090.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố Nguyễn Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Đánh giá vai trò của từng bị cáo thì thấy: Bị cáo Đoàn Bá T là người nảy S ý định và rủ bị cáo S cùng trộm cắp tài sản đồng thời là người trược tiếp thực hiên hành vi trộm cắp tài sản, sau khi trộm cắp được tài sản thì trực tiếp tiêu thụ nên bị cáo T là người giữ vai trò chính trong vụ án này. Bị cáo Nguyễn Văn S là người dùng xe mô tô của mình chở bị cáo T đi trộm cắp tài sản và là người Cnh giới để bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do đó bị cáo S giữ vai trò đồng pham trong vụ án này.

[4]Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Văn S đã có

01 tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản"; do đó bị cáo S phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đoàn Bá T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối Ci về hành vi phạm tội của mình các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối Ci" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo S còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là "Đầu thú" theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đại diện Viện kiêm sát đề xuất xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" là nặng chưa tương xứng với giá trị tài sản trộm cắp; trong đó, bị cáo S chỉ bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 và được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội của địa phương. Do đó, phải áp dụng mước hình phạt tù giam tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo, mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo, cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho loại tội này. Xét thấy; các bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng, nên không áp dụng phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Đối với ông Dương Văn T không biết việc T, S trộm cắp tài sản, không được chia tiền do bán tài sản trộm cắp, nên xác định ông T không vi phạm pháp luật. Đối với ông Nguyễn Quang Hoan là người giúp bị cáo T tiêu thụ tài sản trộm cắp, Cơ quan điều tra đã xác minh hiện ông Hoan không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không làm việc được với ông Hoan. Do vậy, Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu có liên quan đến ông Hoan ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau là có căn cứ. Đối với hai người thanh niên mua tài sản trộm cắp của bị cáo T nhưng T không biết tên, tuổi, địa chỉ, hiện ông Hoan vắng mặt tại địa phương, nên Cơ quan điều tra không xác minh được là có căn cứ.

[5]Về vật chứng: Vật chứng là chiếc biển kiểm soát 98H1-105.75, 02 chiếc gương chiếu hậu; 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Tiệp là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị L. Ngày 11/02/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà La và bà La không có ý kiến gì, nên không đặt ra xem xét. Đối với tài sản bị trộm

cắp là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HondaWave, biển kiểm soát 98H1-105.75 của bà La, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa có kết quả nên đặt ra xem xét. Đối với chiếc xe mô tô kiểu dáng Honda Wave S, màu đỏ, đen, không gắn biển số xe, xe có số khung RLHJ04312BY164771, số máy JC43E-1713953 của Nguyễn Văn S là phương tiện dùng vào việc phạm tôi, S khai nhận mua của một người không quen biết. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu số khung, số máy nhưng không xác định được chủ sở hữu của chiếc xe này. Do vậy, Cơ quan điều tra tách phần tài liệu có liên quan đến chiếc xe này ra khỏi hồ sơ vụ án, khi nào có kết quả sẽ tiếp tục xử lý theo quy định pháp luật, là có căn cứ.

Các vật chứng còn lại gồm: Chiếc điện thoại Vsmart, vỏ màu đỏ, có số Imet: 356742102734081/356742102734099, màn hình đã bị vỡ là của bị cáo T sử dụng để liên lạc tiêu thụ tài sản trộm cắp được, nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, có số seri 354579051052244 là tài sản của bị cáo S không sử dụng vào việc phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo S từ trối nhận lại, nên cần sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại này.

[6]Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị L yêu cầu các bị cáo phải chịu trách nhiệm đới bồi thường cho bà La số tiền 8.000.000 đồng (theo định giá tài sản chiếc xe mô tô mà các bị cáo trộm cắp không thu hồi được), cụ thể: Bị cáo T bồi thường 4.000.000 đồng, bị cáo S bồi thường 4.000.000 đồng. Yêu cầu này của bà La là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

[7]Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật về án phí.

[8]Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, Điêu 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Đoàn Bá T.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

Căn cứ, các điều 47, 48, Bộ luật Hình sự; các Điều 288, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

1. Xử phạt bị cáo Đoàn Bá T 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/12/2021. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đoàn Bá T.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/12/2021. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

3.Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Bá T và bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu trách liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 8.000.000 đồng;cụ thể: Bị cáo Đoàn Bá T bồi thường 4.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường 4.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất C các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4.Vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại Vsmart, vỏ màu đỏ, có số Imet: 356742102734081/356742102734099, màn hình máy đã bị vỡ, lắp sim số 0564.657.373 của bị cáo Đoàn Bá T. Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, có số seri 354579051052244, điện thoại gắn sim số 0333.043.701 của bị cáo Nguyễn Văn S.

5.Án phí: Bị cáo Đoàn Bá T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6.Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Bị cáo, người tham gia tố tụng;
-VKSND huyện T;
-Công an huyện T;
-THADS huyện T;
-Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Giáp Quang Huy